TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày 14-3-2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Bà Nguyễn Hải Âu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Lê Minh B, sinh năm 1978; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Bích L, sinh năm 1982; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Bích L và chị Lê Thị T thống nhất trình bày:

Vào ngày 15/01/2017 al, chị L có mở dây hụi 3.000.000 đồng, gồm có 22 chưng, anh T tham gia 01 chưng và đã góp được 20 lần thì chị L tuyên bố đình hụi. Cụ thể các lần góp hụi như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 15/01/2017 al anh T bỏ 500.000đ, đóng 2.500.000đ;

Lần thứ hai vào ngày 15/02/2017 al anh T bỏ 700.000đ, đóng 2.300.000đ;

Lần thứ ba vào ngày 15/3/2017 al anh T bỏ 860.000đ, đóng 2.140.000đ;

Lần thứ tư vào ngày 15/4/2017 al anh T bỏ 1.000.000đ, đóng 2.000.000đ;

Lần thứ năm vào ngày 15/5/2017 al anh T bỏ 1.000.000đ, đóng 2.000.000đ;

Lần thứ sáu vào ngày 15/6/2017 al anh T bỏ 1.200.000đ, đóng 1.800.000đ;

Lần thứ bảy vào ngày 15/6/2017 al anh T bỏ 1.300.000đ, đóng 1.700.000đ;

Lần thứ tám vào ngày 15/7/2017 al anh T bỏ 1.000.000đ, đóng 2.000.000đ;

Lần thứ chín vào ngày 15/8/2017 al anh T bỏ 800.000đ, đóng 2.200.000đ;

Lần thứ mười vào ngày 15/9/2017 al anh T bỏ 800.000đ, đóng 2.200.000đ;

Lần thứ mười một vào ngày 15/10/2017 al anh T bỏ 800.000đ, đóng 2.200.000đ;

Lần thứ mười hai vào ngày 15/11/2017 al anh T bỏ 850.000đ, đóng 2.150.000đ;

Lần thứ mười ba vào ngày 15/12/2017 al anh T bỏ 900.000đ, đóng 2.100.000đ;

Lần thứ mười bốn vào ngày 15/01/2018 al anh T bỏ 800.000đ, đóng 2.200.000đ;

Lần thứ mười lăm vào ngày 15/02/2018 al anh T bỏ 900.000đ, đóng 2.100.000đ;

Lần thứ mười sáu vào ngày 15/3/2018 al anh T bỏ 1.000.000đ, đóng 2.000.000đ;

Lần thứ mười bảy vào ngày 15/4/2018 al anh T bỏ 900.000đ, đóng 2.100.000đ;

Lần thứ mười tám vào ngày 15/5/2018 al anh T bỏ 900.000đ, đóng 2.100.000đ;

Lần thứ mười chín vào ngày 15/6/2018 al anh T bỏ 1.100.000đ, đóng 1.900.000đ;

Lần thứ hai mươi vào ngày 15/7/2018 al anh T bỏ 1.200.000đ, đóng 1.800.000đ.

Tại đơn khởi kiện, anh T yêu cầu chị L và anh B trả số tiền nợ hụi 58.500.000đ. Tại phiên Tòa, anh T và chị T thống nhất yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 52.787.000đ và chị L cũng đồng ý trả theo yêu cầu của anh T.

Chị Nguyễn Bích L trình bày: Chị sử dụng số tiền từ việc tham gia hụi vào mục đích lo chi phí cho con ăn học, buôn bán nhỏ và anh B có biết chị làm chủ hụi. Khi bể hụi, anh B cũng đồng ý cùng chị trả nợ nên khoản nợ anh T là nợ chung của vợ chồng.

Anh Lê Minh B trình bày: Anh biết chị L làm chủ hụi nhưng vài năm trở lại đây anh có khuyên chị nghĩ để đầu tư buôn bán, lo cho cha mẹ. Anh xác định không có mối quan hệ làm ăn với anh T và yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho

đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Minh B có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về số tiền nợ hụi: Anh T, chị L và chị T thống nhất anh T và chị T có tham gia một chưng hụi trong dây hụi 3.000.000đ do chị L làm chủ mở ngày 15/01/2017 al, dây hụi gồm có 22 chưng, anh T và chị T đã góp được 20 lần với tổng số tiền 41.490.000đ. Xét thấy, giao dịch hụi giữa các đương sự là thực tế có xảy ra, trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên tham gia hụi nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện, anh T yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 58.500.000đ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, anh T yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 52.787.000đ. Xét thấy, việc anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ hụi, xét thấy: Anh T yêu cầu chị L và anh B trả số tiền nợ hụi 52.787.000đ và chị L đồng ý trả theo yêu cầu của anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị L xác định anh B biết chị làm chủ hụi và chị sử dụng số tiền từ việc tham gia hụi vào mục đích lo chi phí cho con ăn học, buôn bán nhỏ nên khoản nợ anh T là nợ chung của vợ chồng. Còn anh B xác định có biết chị làm chủ hụi. Xét thấy, chị L xác định sử dụng số tiền hụi lo cho con ăn học và buôn bán nhỏ, anh B thừa nhận có biết chị L làm chủ hụi và trong thời gian tham gia hụi anh chị vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của chị L và anh B.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị L và anh B trả cho anh T tổng số tiền 52.787.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T không phải chịu. Chị L và anh B phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm do có đơn xin giảm án phí theo đúng quy định của pháp luật là 52.787.000đ x 2,5% = 1.319.675đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B trả cho anh T số tiền nợ hụi 52.787.000đ (năm mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T không phải chịu, ngày 27 tháng 12 năm 2018 anh T đã nộp tạm ứng án phí 1.463.000đ được nhận lại. Chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B phải chịu 1.319.675 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Bích L và chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh Bôm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng